| | |
|---|---|
| UBND XÃ MAO ĐIỀN<br>**HỘI ĐỒNG BT,HT&TĐC** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 16/TB-HĐBT,HT,TĐC | *Mao Điền, ngày 18 tháng 11 năm 2026* |

# THÔNG BÁO

**Về việc niêm yết công khai Phương án bồi thường, hỗ trợ Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới Đồng Sau Quán, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng; (Địa điểm: xã Mao Điền, thành phố Hải Phòng)**

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH 15 ngày 18/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 43/2024, ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2024/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chỉ tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ, khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30/01/2026 Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 72/2026/QĐ-UBND ngày 03/9/2026 của UBND thành phố Hải Phòng về việc Ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết số 85/NQ- HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng "Nghị quyết ban hành bảng giá đất lần đầu trên địa bàn thành phố";

Căn cứ Quyết định số 57/2026/QĐ-UBND ngày 10/7/2026 của UBND thành phố Hải Phòng "Quyết định quy định Hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm 2026";

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-UBND ngày 02/04/2026 của Chủ tịch UBND xã Mao Điền về việc kiện toàn Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện nhiệm vụ giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới Đồng Sau Quán, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng (Địa điểm tại xã Mao Điền, thành phố Hải Phòng);

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xã Mao Điền thông báo:

1. Niêm yết công khai Phương án bồi thường, hỗ trợ của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân *(có danh sách kèm theo)* khi thực hiện thu hồi đất, giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới Đồng Sau Quán, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng.

2. Địa điểm và hình thức niêm yết:

- Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân xã Mao Điền.
- Tại trụ sở UBND xã Mao Điền.
- Nhà văn hóa thôn Tân Trường.

3. Thời gian niêm yết: Bắt đầu từ ngày 18/11/2026 đến hết ngày 27/11/2026.

4. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày niêm yết, công khai nêu trên, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có điều gì cần khai báo hoặc liên quan đến nội dung Phương án bồi thường, hỗ trợ của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, thì phản ánh đến Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xã Mao Điền *(Thông qua phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường xã)* để được xem xét giải quyết. Hết thời hạn 10 ngày niêm yết nêu trên nếu không có phản ánh, kiến nghị nào thì UBND xã, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tiến hành thực hiện các bước tiếp theo theo quy định.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư xã Mao Điền thông báo công khai để các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được biết./.

***Nơi nhận:***
- CT, các PCT UBND xã (B/c);
- Hội đồng BT, HT & TĐC xã;
- Phòng XD, NN & MT (để thực hiện);
- Phòng Văn hóa xã hội (để đăng tin)
- Trung tâm dịch vụ sự nghiệp công (để thông báo).
- Trưởng thôn Tân Trường (để thực hiện);
- Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có tên trong danh sách (để thực hiện);
- Lưu: HĐBT, XD,NN&MT.

**TM. HỘI ĐỒNG BT,HT&TĐC**
**CHỦ TỊCH**

U.B.N.D XÃ MAO ĐIỀN T.P HẢI PHÒNG

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND XÃ**
**Nguyễn Khắc Nghĩa**

**DANH SÁCH**

**Niêm yết công khai Phương án bồi thường, hỗ trợ Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới Đồng Sau Quán, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng**

*(Kèm theo Thông báo số 16/TB-HĐBT ngày 18/11/2026 Của Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xã)*

| STT | Tên chủ sử dụng | Loại đất | Thửa số | Thành tiền | | Tổng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Cây cối | Tài sản xây dựng | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7=5+6 |
| 1 | Nguyễn Thị Hởi | LUC | 258+ 257+1866 +1865+12 | 4.078.000 | | 4.078.000 |
| 2 | Nguyễn Thị Đức | LUC | 260 | 429.000 | | 429.000 |
| 3 | Nguyễn Văn Vụ | LUC | 285 | 1.605.000 | | 1.605.000 |
| 4 | Nguyễn Đình Lâm | LUC | 17+172 | 8.826.000 | | 8.826.000 |
| 5 | Vũ Thị Ngấn | LUC | 260 | 858.000 | | 858.000 |
| 6 | Nguyễn Thị Liệu | LUC | 283 | 4.583.000 | | 4.583.000 |
| 7 | Trần Đức Huy | LUC | 168+ 24 | 3.080.000 | | 3.080.000 |
| 8 | Lương Thị Láng | LUC | 11+ 200 | 10.375.000 | | 10.375.000 |
| 9 | Đinh Thị Lương | LUC | 18+67 | 15.339.000 | | 15.339.000 |
| 10 | Lê Bá Lộc | LUC | 287+288+252 +251+250+204 +205+164+163 +162+102+103 +104+ 63+62 +21+22+23 +376+159+158 +105+106 | 25.401.000 | | 25.401.000 |
| 11 | Nguyễn Văn Doanh | LUC | 68 | 4.479.000 | | 4.479.000 |
| 12 | Vũ Đình Cảnh | LUC | 347 | 12.768.000 | | 12.768.000 |
| 13 | Lê khắc Sơn (Huyên) | LUC | 72+283+56+95 | 3.905.000 | | 3.905.000 |
| 14 | Nguyễn Văn Chính (Đổi) | LUC | 96 | 7.233.000 | | 7.233.000 |
| 15 | Lâm Thị La (Châu) | LUC | 160+174 | 3.313.000 | | 3.313.000 |
| 16 | Nguyễn Thị Nỉ | LUC | 263+ 261 | 10.934.000 | 6.255.000 | 17.189.000 |
| 17 | Phạm Thị Vấn | LUC | 377+378 | 5.340.000 | | 5.340.000 |
| 18 | Nguyễn Thị Quý (Linh) | LUC | 161 | 5.089.000 | 635.000 | 5.724.000 |
| 19 | Vũ Đình Sỹ | LUC | 1861 | 10.189.000 | | 10.189.000 |
| 20 | Nguyễn Trọng Công | LUC | 694 | 1.557.000 | | 1.557.000 |
| 21 | Vũ Thị Thu | LUC | 203+167 | 2.227.000 | | 2.227.000 |
| 22 | Lê Bá Tuấn (Miền) | LUC | 20 | 1.562.000 | | 1.562.000 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 23 | Mai Thị Hoàng (Hải) | NTS | 209 | 2.219.000 | | 2.219.000 |
| **STT** | **Tên chủ sử dụng** | **Loại đất** | **Thửa số** | **Thành tiền** | | **Tổng** |
| | | | | **Cây cối** | **Tài sản xây dựng** | |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7=5+6** |
| 24 | Đoàn Thị Huy | LUC | 12+13+71 +73+175+198 +197+93+92 +91+90+89 +176+177+178 +179+196+195 +194+261+262 +279+278+277 +276+1795+333 +334+348+347 +346+1862+400 +401+399 | 23.136.000 | | 23.136.000 |
| 25 | Bùi Xuân Tư | LUC | 258+104+21 +247+392+ 316 | 16.059.000 | 18.430.000 | 34.489.000 |
| 26 | Đỗ Danh Diễn | LUC | 284+283+315 | 18.350.000 | 840.000 | 19.190.000 |
| 27 | Đỗ Danh Diễn | LUC | 404+342+341 | 24.430.000 | | 24.430.000 |
| 28 | Đỗ Danh Diễn | LUC | 15 | 26.985.000 | | 26.985.000 |
| 29 | Đỗ Danh Diễn | LUC | 66+101 | 45.551.000 | | 45.551.000 |
| 30 | Vũ Văn Giới | LUC | 652+651 +689+690 | 12.377.000 | | 12.377.000 |
| 31 | Lê Thị Hạnh | ONT | 48 | | 3.226.000 | 3.226.000 |
| 32 | Lê Mạnh Hùng | ONT +BHK | 61 | | 3.262.000 | 3.262.000 |